

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Heavy

OXYCLOG OB

Chiế c **đáp** ứ n ag bạn u cụ i **nhu** cầ
Oxyclog có đế ngoài bằ g **cao su** đảm bả **đa năng** à b è mặt
khô và **đáp** gi h nà g tiêu **SRA**. Guố c đư ế kế cho
t và có phòng hấc khử **trùng** trong 135 C) mà không bị biế n dạn g và
iặt có th ể g (90 C). Oxyclog đư ợc **trang** bị **phích** cắm ch ố n g
tĩnh điệ n giúp t ản **tĩnh** điệ n dễ **dàng** và **tuân** thủ **ESD** tiêu
n ch ốchu n g **tĩnh** điệ n .

Những vật liệu **cao** cấp hơn	TPE
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	ệm **chân SJ** làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
ngoài Đ	TPE
i Loạ	OB / SRA, A, E, ESD
Phạm **vi kích** thước	EU 35-48 / UK 3.0- / US 5.5- JPN 21.5- / KOR 230-
ng lượng t **thép**	0.248 kg
ản **hóa** u chu	ASTM F2892:2024 EN ISO 20347:2012





RED


EBL BLU EGN FUX


WHT BLK LBL



hấp tiệt **trùng**
Có thể tiệt trùng trong nồi hấp.


X
ESD cung cấp khả **năng** xả **năng** lượng **tĩnh** điện **có** kiểm **soát** có thể **làm** hỏng **các** bộ phận điện tử và **ngăn** ch ặt lửa **do tích** điện.
00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



SRA
trong tính **năng** an toàn và
giày SRA
phòng pha loãng.



60 C
iặt ể g
giặt trong máy ở 90°C.


Khử **trùng** bằng **hóa** chất **& tia** cực **tím**
Giày này có thể được khử **trùng** bằng **hóa** chất và tia cực tím.


Dung dịch chống thấm hợp vệ **sinh**
Giày này được **làm** bằng vật liệu không thấm nước, **kháng** kỳ
các ứng dụng trong môi
làm

Công nghiệp **n:**
thuộc c về **y** h ọ c , Thự ccuốn ẩm ng, Làm s

ường: **Môi** t
rư ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mịn , b ề mặt **không** bằn g phẳn g, **môi** ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn **nên** v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên** và bảo v ệ **chúng** bằm phẳ cá phủ hằ nhiệ Khô trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **TPE** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ới h ơ	? 0.8		N/A	ờ	mg/cm/g
	Top: h ệ số ới h ơ	? 15		N/A		mg/cm2
ót bên trong	**SAU ĐÓ**					
	L ớp lót: ấm ới h ơ	? 2		N/A	ờ	mg/cm/g
	lót: h ệ số ới h ơ	? 20		N/A		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**TPE**					
	Ch ố m ng mài mòn ế ngoài (	? 150		120		mm
	a đế ngoài SRA gót chân	? 0.28		0.41		ma sát
	a đế ngoài SRA Phầ t g	? 0.32		0.41		ma sát
	a đế ngoài SRB gót chân	? 0.13		N/A		ma sát
	ế ngoài SRB phầ n g	? 0.18		N/A		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		90		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		N/A		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20		34		J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Safety Jogger có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tên và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh ọc **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#hát** thả					
	V ật l iệu		2.46		kg
	Bao bì		0.10		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			4.72 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		10%	
	Bao bì		98%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán